

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: .....

Họ và tên giáo viên:

Tổ: .....

.....

### BÀI 4: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh; lớp: 10...

Thời gian thực hiện: 02 tiết

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Về kiến thức

HS khám phá những nội dung cơ bản về phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông: Pháp luật về trật tự an toàn giao thông; vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

##### 2. Về năng lực

Trình bày được một số nội dung cơ bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

##### 3. Về phẩm chất

Tự giác tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn giao thông và tham gia giao thông an toàn.

Biết tuyên truyền vận động mọi người và chấp hành nghiêm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Tranh, ảnh theo các hình 4.1 – 4.3 trong SGK (hoặc hình ảnh tương tự).
- Tài liệu về Luật giao thông đường bộ và các tài liệu có liên quan,...
- Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A0.

#### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

##### 1. Hoạt động 1: Khởi động

###### a) Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS khám phá các hành vi vi phạm và không vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông ở bài học mới.

###### b) Nội dung

HS quan sát Hình 4.1 kết hợp huy động kiến thức có liên quan và cho biết:

- Hình nào có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

– Tên các loại hình giao thông ở Việt Nam.

c) Sản phẩm

– Các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông: Hình 4.1b (người điều khiển xe mô tô chở quá số người quy định và không đội mũ bảo hiểm, người ngồi trên mô tô không đội mũ bảo hiểm); hình 4.1c (người lái đò chở quá số người qui định, người ngồi trên đò không mặc áo phao).

– Các loại hình giao thông ở Việt Nam: Giao thông đường bộ (hình 4.1b), giao thông đường sắt (hình 4.1d), giao thông đường thủy nội địa (hình 4.1c), giao thông đường hàng không (hình 4.1a).

d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS quan sát Hình 4.1 và nêu lần lượt từng yêu cầu trong SGK, yêu cầu HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào bài học.

## **Hoạt động 2: Khám phá**

### **I. NHẬN THỨC CHUNG**

#### **1. Pháp luật về trật tự an toàn giao thông**

a) Mục tiêu

HS biết được thế nào là pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Em đã từng tham gia hoạt động ở loại hình giao thông nào?

c) Sản phẩm

Các loại hình giao thông: Đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.

d) Tổ chức thực hiện

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

– HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, thống nhất nội dung về các loại hình giao thông và kêu gọi việc tham gia giao thông ở từng loại hình đó như thế nào.

#### **2. Vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông**

a) Mục tiêu

HS nhận biết được vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông và các dấu hiệu nhận biết.

b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để làm rõ dấu hiệu nhận biết hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông và trả lời câu hỏi: Theo em, độ tuổi nào dưới đây phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông?

c) Sản phẩm

HS nhận biết được các dấu hiệu vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; xác định được độ tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b> HS tiến hành thảo luận theo nhóm.</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> Đại diện các nhóm trình bày về dấu hiệu hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b> GV tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của các nhóm, thống nhất về dấu hiệu nhận biết hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và độ tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi</p>	<p>– Dấu hiệu về hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông: + Hành vi của người tham gia giao thông trái với quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông. + Có lỗi của người thực hiện hành vi khi tham gia giao thông. + Hành vi hành động là làm một việc pháp luật cấm. + Hành vi không hành động là không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm mặc dù có điều kiện để làm. + Dấu hiệu lỗi: Lỗi là trạng thái tâm lí hay thái độ của chủ thể đối với hành vi của mình và đối với hậu quả của hành vi đó gây ra cho xã hội được thể hiện dưới hai hình thức: Cố ý hoặc vô ý.</p>

hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.	– Độ tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là 16 tuổi.
--	--

### 3. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông

#### a) Mục tiêu

HS biết được thế nào là phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông và phân biệt được hai hoạt động trên.

#### b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu: Em hãy cho biết sự khác nhau giữa phòng ngừa và đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

#### c) Sản phẩm

HS nêu được sự khác nhau giữa phòng ngừa và đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

#### d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b> HS tiến hành thảo luận theo nhóm.</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> Đại diện các nhóm trình bày về sự khác nhau giữa phòng ngừa và đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b> Tổng hợp, phân tích ý kiến thảo luận của các nhóm. Thống nhất về sự khác</p>	<p>Sự khác nhau giữa phòng ngừa và đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông:</p> <p>– Phòng ngừa vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều hình thức, biện pháp hướng đến việc triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông nhằm ngăn chặn, hạn chế và từng bước loại trừ vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông ra khỏi đời sống xã hội.</p> <p>– Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông là hoạt động của các</p>

nhau giữa phòng ngừa và đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.	cơ quan quản lý nhà nước nắm tình hình, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện, từ đó áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
--	--

## II. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

### 1. Trách nhiệm chung

#### a) Mục tiêu

HS nắm được cơ sở trong việc xác định nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi công dân nói chung, HS nói riêng phải tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Giúp HS nắm được các quy định cơ bản khi tham gia giao thông để thực hiện trong thực tiễn.

#### b) Nội dung

HS đọc thông tin kết hợp quan sát Hình 4.2 và 4.3 trong SGK và thực hiện các yêu cầu:

- Hãy cho biết ý nghĩa của các động tác trong Hình 4.2.
- Hãy cho biết ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông khi các màu đỏ, vàng, xanh được bật sáng.
- Hãy quan sát các biển báo hiệu giao thông và rút ra đặc điểm nhận biết của các nhóm biển báo ở hình trên.
- Khi tham gia giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng không em phải thực hiện những yêu cầu nào?

#### c) Sản phẩm

HS trình bày được ý nghĩa của các động tác điều khiển giao thông, ý nghĩa tín hiệu đèn giao thông và đặc điểm nhận biết của các nhóm biển báo giao thông; nêu được những yêu cầu khi tham gia giao thông (*ở cột yêu cầu cần đạt*).

#### d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt
<b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b>	– Ý nghĩa của các động tác trong Hình 4.2:

<p>GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, kết hợp quan sát Hình 4.2 và 4.3 trong SGK để thực hiện các yêu cầu.</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>HS thảo luận theo nhóm; GV theo dõi, giúp đỡ.</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện các nhóm trình bày về ý nghĩa của các động tác trong Hình 4.2; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</li> <li>- Đại diện các nhóm trình bày về ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</li> <li>- Đại diện các nhóm trình bày về đặc điểm nhận biết của các nhóm biển báo giao thông; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và thống nhất từng nội dung sau khi HS thảo luận.</li> <li>- Sau khi thống nhất các nội dung trên, GV yêu cầu HS nêu yêu cầu khi tham gia giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng không.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình 4.2c: Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng đều phải dừng lại.</li> <li>+ Hình 4.2b, 4.2g: Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người chỉ huy phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái người chỉ huy được đi tất cả các hướng.</li> <li>+ Hình 4.2d: Báo hiệu cho người tham gia giao thông bên phải của người chỉ huy đi nhanh hơn.</li> <li>+ Hình 4.2e: Báo hiệu cho người tham gia giao thông bên trái của người chỉ huy đi nhanh hơn.</li> <li>+ Hình 4.2a: Báo hiệu người tham gia giao thông ở bên phải người chỉ huy dừng lại (tương tự bên trái khi bàn tay trái người chỉ huy giơ thẳng đứng vuông góc với mặt đất).</li> </ul> <p>– Ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tín hiệu đèn xanh sáng: Cho phép đi.</li> <li>+ Tín hiệu đèn vàng sáng: Báo hiệu sự thay đổi tín hiệu của đèn từ xanh sang đỏ. Tín hiệu vàng bật sáng, người điều khiển phương tiện phải cho xe dừng trước vạch sơn “Vạch dừng xe”. Nếu không có vạch sơn “Vạch dừng xe”, thì phải dừng phía trước đèn tín hiệu theo chiều đi. Trường hợp đã tiến sát đến hoặc vượt quá vạch sơn “Vạch dừng xe”, nếu dừng lại sẽ nguy hiểm thì phải nhanh chóng đi tiếp ra khỏi nơi giao nhau.</li> <li>+ Tín hiệu đèn vàng nhấp nháy: Báo hiệu được đi nhưng phải chú ý và thận trọng quan</li> </ul>
---	---

	<p>sát, nhường đường cho người đi bộ sang đường hoặc các phương tiện theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Tín hiệu đèn đỏ sáng: Phải dừng lại trước vạch dừng xe. Nếu không có vạch sơn “Vạch dừng xe” thì phải dừng trước đèn tín hiệu theo chiều đi.</li><li>– Đặc điểm nhận biết các nhóm biển báo giao thông:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Biển cấm: Hình tròn, có viền ngoài và gạch chéo bên trong màu đỏ, nền trắng, nội dung cấm màu đen, có một số biển có đặc điểm khác.</li><li>+ Biển báo nguy hiểm: Hình tam giác, viền ngoài màu đỏ, nền vàng, nội dung báo nguy hiểm màu đen.</li><li>+ Biển báo hiệu lệnh: Báo hiệu những điều phải làm theo nội dung quy định trên biển hiệu lệnh: Hình tròn, màu xanh, nội dung phải thực hiện màu trắng.</li></ul></li><li>– Yêu cầu khi tham gia giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng không:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đường sắt: Không phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt. Không xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt; để chương ngại vật, đổ chất độc hại, chất phé thải lên đường sắt; để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt. Không chèn thả súc vật trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.</li></ul></li></ul>
--	---

	<p>Không đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi vi phạm khác trên đường sắt; không ném đất, đá hoặc vật khác lên tàu hoặc từ trên tàu xuống.</p> <p>+ Đường thủy nội địa: Phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện.</p> <p>+ Đường hàng không: Phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của tiếp viên hàng không.</p>
--	---

## 2. Hành động cụ thể

### a) Mục tiêu

HS biết và thực hiện tốt một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

### b) Nội dung

HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Em sẽ tuyên truyền như thế nào khi có người thân vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông?

### c) Sản phẩm

HS biết cách tuyên truyền người thân không vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

### d) Tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời; các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung; GV nhận xét và định hướng HS cách tuyên truyền người thân không vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

## Hoạt động 3: Luyện tập

### a) Mục tiêu

HS củng cố lại kiến thức đã học, đồng thời giúp HS phát triển tư duy trong hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

### b) Nội dung

HS thực hiện các yêu cầu và câu hỏi luyện tập.

### c) Sản phẩm

Câu 1. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông gồm: Các biện pháp phòng ngừa và các biện pháp đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Trong đó, các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật

về trật tự an toàn giao thông cần được thực hiện trước, kiên quyết và hiệu quả để không để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Nội dung còn lại của câu hỏi HS trình bày theo hiểu biết cá nhân.

Câu 2. Các hoạt động nhà trường thực hiện tuyên truyền về pháp luật trật tự an toàn giao thông mà HS có thể tham gia gồm: Nghe các báo cáo viên tuyên truyền về luật giao thông đường bộ; tham gia các cuộc thi về an toàn giao thông; thực hiện các khẩu hiệu (an toàn giao thông là hạnh phúc của mọi người, đội mũ bảo hiểm khi lái xe,...) mà Đoàn, Đội phát động,...

d) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức cho HS thực hiện câu 1 trên lớp, nhận xét và định hướng HS thực hiện các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

– GV giao bài tập về nhà cho học sinh thực hiện câu 2, qui định thời gian nộp, kiểm tra và đánh giá kết quả.

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức đã học về phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông vào thực tiễn tham gia giao thông của mình và người thân trong cuộc sống.

b) Nội dung

– HS kể tên các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông xảy ra trong cuộc sống.

– Phân tích các dấu hiệu vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông qua một hành vi vi phạm cụ thể.

– Thực hành nhận biết biển báo hiệu đường bộ và các động tác điều khiển giao thông.

c) Sản phẩm

– HS kể tên được các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông xảy ra trong cuộc sống (không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông, chở quá số người quy định, đi dàn hàng ngang trên đường,...).

– Phân tích được các dấu hiệu vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông qua một hành vi vi phạm cụ thể.

– Đọc và hiểu được nội dung các biển báo hiệu đường bộ, thực hành được động tác điều khiển giao thông.

d) Tổ chức thực hiện

GV giao bài tập về nhà cho HS thực hiện, qui định thời gian nộp và kiểm tra đánh giá.